

Số: **38** /BC-STC

Tuyên Quang, ngày **26** tháng 01 năm 2023

BÁO CÁO

**Tổng hợp tình hình giá cả thị trường trước, trong
và sau Tết Nguyên đán Quý Mão năm 2023
(thời điểm từ ngày 13/01/2023 đến ngày 26/01/2023 (mùng 5 Tết)
trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**

Kính gửi Cục Quản lý giá, Bộ Tài chính

Căn cứ Chỉ thị số 03/CT-BTC ngày 12/12/2022 của Bộ Tài chính về việc tăng cường công tác quản lý, điều hành và bình ổn giá trong dịp Tết nguyên đán Quý Mão năm 2023;

Căn cứ Thông tư số 116/2018/TT-BTC ngày 28/11/2018 của Bộ Tài chính quy định chế độ báo giá thị trường;

Thực hiện Văn bản số 5529/UBND-THVX ngày 30/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc báo cáo tình hình chuẩn bị phục vụ Tết Nguyên đán Quý Mão năm 2023.

Sở Tài chính trân trọng báo cáo tổng hợp tình hình giá cả thị trường trước, trong và sau Tết Nguyên đán Quý Mão năm 2023 (thời điểm từ ngày 13/01/2023 đến ngày 26/01/2023 (mùng 5 Tết) trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang cụ thể như sau:

I. Tình hình chung:

Tình hình giá cả thị trường trước, trong và sau Tết Nguyên đán Quý Mão năm 2023 (thời điểm từ ngày 13/01/2023 đến ngày 26/01/2023 (mùng 5 Tết) trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang ổn định, không có biến động bất thường về giá nhất là thời điểm trước, trong và sau Tết ảnh hưởng đến đời sống kinh tế - xã hội của nhân dân trên địa bàn.

1. Tổng hợp tình hình giá cả thị trường trước Tết Nguyên đán Quý Mão năm 2023:

Tình hình giá cả thị trường trước Tết Nguyên đán Quý Mão năm 2023 (tháng 01/2023) trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang ổn định so với tháng 12/2022, các mặt hàng phục vụ Tết phong phú, đa dạng, mẫu mã đẹp nhiều chủng loại, đáp ứng nhu cầu thiết yếu của người tiêu dùng.

Triển khai thực hiện Chỉ thị số 03/CT-BTC ngày 12/12/2022 của Bộ Tài chính về việc tăng cường công tác quản lý, điều hành và bình ổn giá trong dịp Tết nguyên đán Quý Mão năm 2023 đảm bảo chủ động kiểm soát ổn định thị trường giá cả, không để

xảy ra các biến động bất thường ảnh hưởng đến đời sống kinh tế - xã hội của nhân dân trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Tình hình thực hiện các biện pháp điều hành giá cả thị trường: theo dõi, bám sát diễn biến tình hình cung cầu giá cả thị trường trên địa bàn trước, trong và sau Tết nhất là đối với các hàng hóa, dịch vụ thiết yếu phục vụ trực tiếp nhu cầu của người dân, thường xuyên đánh giá, dự báo cụ thể để có biện pháp quản lý, điều hành và bình ổn giá cả thị trường phù hợp, nhất là trong thời điểm trước, trong và sau Tết để chủ động kiểm soát ổn định thị trường giá cả, đặc biệt là các mặt hàng tiêu dùng lớn như lương thực, thực phẩm, đường, sữa, thức ăn chăn nuôi, dịch vụ vận chuyển hành khách, dịch vụ y tế, thuốc phòng và chữa bệnh cho người và vật nuôi, đồng thời với đó là tăng cường công tác phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả tránh để xảy ra các biến động bất thường về giá ảnh hưởng đến đời sống kinh tế-xã hội của địa phương. Đề xuất kịp thời xuất cấp hàng dự trữ quốc gia theo quy định cho người dân vùng gặp thiên tai, dịch bệnh và cứu đói cho người dân trong thời kỳ giáp hạt.

Việc kiểm tra, kiểm soát giá cả thị trường: Tham gia cùng Ban chỉ đạo 389 tỉnh Tuyên Quang, phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan, đã tiến hành kiểm tra, kiểm soát việc chấp hành các quy định pháp luật về đăng ký giá, kê khai giá, niêm yết giá và bán theo giá niêm yết,... tại các cửa hàng kinh doanh những mặt hàng thiết yếu, mặt hàng thuộc diện bình ổn giá theo quy định hiện hành, nhất là các mặt hàng lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh cho người, xăng, dầu, điện, nước sạch, thép xây dựng và vật liệu xây dựng, dịch vụ vận chuyển hành khách, trông giữ xe đạp, xe máy, ô tô... trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; nhằm ngăn ngừa và xử lý nghiêm những hành vi, vi phạm theo quy định của Luật giá.

2. Tổng hợp tình hình giá cả thị trường trong và sau Tết Nguyên đán Quý Mão năm 2023:

Tình hình giá cả thị trường trong và sau Tết Nguyên đán Quý Mão năm 2023 thị trường giá cả ổn định đáp ứng nhu cầu thiết yếu phục vụ Tết của người dân trên địa bàn. Diễn biến một số mặt hàng cụ thể như sau:

2.1. Lương thực: Giá lương thực ổn định so với tháng 12/2022 cụ thể như: Thóc tẻ loại thường giá: 9.000đồng/kg, gạo tẻ loại thường giá: 15.000đồng/kg, gạo tẻ loại ngon giá: 16.000đồng/kg; gạo tẻ tám thơm giá: 18.000đồng/kg, gạo nếp loại ngon giá: 28.000đồng/kg.

2.2. Thực phẩm: Giá thực phẩm ổn định so với tháng 12/2022, cụ thể như: Thịt lợn mỡ sấn giá: 115.000đồng/kg, thịt lợn nạc thăn giá: 125.000đồng/kg, giá thịt lợn hơi loại 80kg/con trở lên dao động từ 70.000đồng/kg đến 75.000đồng/kg; Thịt bò thăn (loại I) giá: 250.000đồng/kg; Cá chép loại 1,5kg/con 120.000đồng/kg; Gà mái ta còn sống loại 1,5 kg trở lên giá 130.000đồng/kg; muối 5.000đồng/kg, đường trắng tinh luyện Tuyên Quang giá 23.000đồng/kg; bột ngọt Ajinomoto (loại 1kg) 62.000đồng/kg; bột canh Iốt Hải Châu: 4.500đồng/gói; Bí xanh, xu hào, cải ngọt 20.000đồng/kg.

2.3. Thuốc chữa bệnh:

Thuốc chữa bệnh thông thường tương đối ổn định so với tháng 12/2022 cụ thể như: thuốc cảm xuyên hương (Yên Bái sản xuất) giá 60.000 đồng/lọ/100viên; Amoxilin 500 mg (1vi 10 viên dạng con nhộng) Công ty Dược phẩm TW1 sản xuất giá 10.000 đồng/vi; Homtamin không sâm (vi 5 viên) liên doanh Việt Nam-Hàn Quốc giá 8.000 đồng/vi 5 viên.

2.4. Giá xăng dầu, gas:

Giá xăng, dầu Diezen, dầu hỏa, tăng với tháng 12/2022 (giá xăng cụ thể như phụ lục số 01 kèm theo); giá gas Petrolimex 410.000 đồng/bình (giảm 30.000đồng/bình) so với tháng 12/2022.

2.5. Giá Vàng:

Giá vàng biến động (tăng, giảm) so với tháng 12/2022 cụ thể như: Giá vàng 99,99% Au (loại nhẫn tròn) bán ra bình quân tháng 01/2023 tại cửa hàng tư nhân kinh doanh vàng bạc tại thành phố Tuyên Quang dao động từ 5.350.000đồng/chỉ đến 5.450.000 đồng/chỉ.

(Có phụ lục giá kèm theo)

Sở Tài chính Tuyên Quang trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- Cục Quản lý giá;
- Tỉnh uỷ, UBND tỉnh; (báo cáo)
- Lãnh đạo Sở TC;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Kho Bạc Nhà nước T.Quang;
- Phòng TC- KH các huyện, thành phố;
- Các phòng thuộc Sở TC;
- Bộ phận giúp việc BCD 389 (Cục QLTT);
- Website Sở Tài chính;
- Lưu: VT, QLGC&TCDN (P).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Trương Quốc Khánh

BẢNG GIÁ THỊ TRƯỜNG TRƯỚC, TRONG VÀ SAU TẾT NGUYÊN ĐÁN QUÝ MÃO NĂM 2023

(Kèm theo Báo cáo số 38/HBC-STC ngày 26 /01/2023 của Sở Tài chính tỉnh Tuyên Quang)

STT	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đặc điểm kinh tế, kỹ thuật, quy cách	Đơn vị tính	Giá kỳ trước	Giá kỳ này	Mức tăng, (giảm)	Tỷ lệ tăng (giảm) (%)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	(8)=(7-6)	(9)=(7/6)	10
I	1	LƯƠNG THỰC, THỰC PHẨM							
1	10.001	Gạo tẻ thường		đồng/kg	15.500	15.500		100	
2	10.002	Gạo tẻ ngon (tám thơm)		đồng/kg	18.000	18.000		100	
3	10.003	Bánh trung Tết	loại 1kg/cái	đồng/cái	50.000	50.000			
4	10.004	Cây Đào phai	Cao 1m đến 1,5m, hoa đẹp	đồng/cây	Giao động từ 200.000đ đến 1.000.000đ				
5	10.005	Cây Quất	Cao 1m đến 1,5m, nhiều quả vàng đẹp	đồng/cây	Giao động từ 300.000đ đến 1.000.000đ				
3	10.006	Thịt lợn hơi		đồng/kg	75.000	75.000		100	
4	10.007	Thịt lợn nạc thăn		đồng/kg	125.000	125.000		100	
5	10.008	Thịt lợn mỡ sấn		đồng/kg	115.000	115.000		100	
6	10.009	Thịt bò thăn	Loại 1	đồng/kg	250.000	250.000		100	
7	10.010	Thịt bò bắp	Bắp hoa hoặc bắp lõi, loại 200 - 300 gram/ cái	đồng/kg	200.000	200.000		100	
8	10.011	Gà ta	Còn sống, loại 1,5 - 2kg /1 con	đồng/kg	130.000	130.000		100	
9	10.012	Gà công nghiệp	Làm sẵn, nguyên con, bỏ lòng, loại 1,5- 2kg /1 con	đồng/kg	60.000	60.000		100	
10	10.013	Giò lụa	Loại 1 kg	đồng/kg	160.000	160.000		100	
11	10.014	Cá chép	Loại 2 con/1 kg	đồng/kg	120.000	125.000		104	
12	10.015	Rau cải ngọt, bí xanh, su hào, bắp cải	Loại ngon	đồng/kg	20.000	20.000			

STT	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đặc điểm kinh tế, kỹ thuật, quy cách	Đơn vị tính	Giá kỳ trước	Giá kỳ này	Mức tăng, (giảm)	Tỷ lệ tăng (giảm) (%)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	(8)=(7-6)	(9)=(7/6)	10
14	10.016	Cà chua	Quả to vừa, 8-10 quả/kg	đồng/kg	20.000	20.000		100	
15	10.017	Muối hạt	Gói 01 kg	đồng/kg	5.000	5.000		100	
16	10.018	Dầu ăn Neptune	Chai 01 lít	đồng/lít	55.000	55.000		100	
17	10.019	Đường trắng Tuyên Quang	Gói 01 kg	đồng/kg	23.000	23.000		100	
18	10.020	Sữa bột dùng cho trẻ em dưới 06 tuổi	Similac 0-6 tháng	đồng/kg	160.000	160.000		100	
II	2	ĐỒ UỐNG							
18	20.001	Nước khoáng	Nước khoáng Mỹ Lâm Tuyên Quang, loại chai nhựa 500ml	đồng/chai	3.000	3.000		100	
19	20.002	Rượu vang nội	Vang Thăng Long, chai 750ml	đồng/chai	80.000	80.000		100	
20	20.003	Nước giải khát có ga	Coca-cola thùng 24 lon 330ml	đồng/thùng	210.000	210.000		100	
21	20.004	Bia lon	Bia Hà Nội, thùng 24 lon 330ml	đồng/thùng	220.000	220.000		100	
III	3	CHẤT ĐÓT, NƯỚC SINH HOẠT, VĂN PHÒNG PHẨM							
24	30.001	Gas đun	Gas hóa lỏng Petrolimex loại 12kg/bình (không kể tiền bình)	đồng/kg	440.000	410.000	Giảm 30.000	93	
25	30.002	Nước sạch sinh hoạt các hộ dân cư tại khu đô thị thành phố Tuyên Quang	Xí nghiệp cấp nước thành phố Tuyên Quang	đồng/m ³	6.400	6.400		100	Trung bình 10m ³ đầu tiên
26	30.003	Giấy A4	Loại 9070 BB2K, KT: (210x297)mm, định lượng 70g/m ² , độ tẩy trắng 90 ISO, 500 tờ/ram, Bãi Bằng-Việt Nam	đồng/ram	63.000	63.000		100	

STT	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đặc điểm kinh tế, kỹ thuật, quy cách	Đơn vị tính	Giá kỳ trước	Giá kỳ này	Mức tăng, (giảm)	Tỷ lệ tăng (giảm) (%)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	(8)=(7-6)	(9)=(7/6)	10
27	30.004	Giấy A3	Loại 9070 BB2K, KT: (420x300)mm, định lượng 70g/m ² , độ tẩy trắng 90 ISO, 500 tờ/ram, Bãi Bằng-Việt Nam	đồng/ram	115.000	115.000		100	
VI	4	THUỐC CHỮA BỆNH CHO NGƯỜI							
28	40.001	Thuốc cảm xuyên hương	(Yên Bái sản xuất), lọ 100 viên	đồng/lọ	60.000	60.000		100	
29	40.002	Amocinlin viên con nhộng	(định lượng 500mg) XN Dược phẩm Trung ương II	đồng/viên	1.000	1.000		100	
30	40.003	Hom tamin không sâm	(vi 5 viên) LD Việt Nam-Hàn Quốc	đồng/vi	8.000	8.000		100	
V	5	GIAO THÔNG							
31	50.001	Trông giữ xe máy	Trông giữ ban ngày	đồng/lượt	2.000	2.000		100	
32	50.002	Trông giữ ô tô	Trông giữ ban ngày	đồng/lượt	10.000	10.000		100	
33	50.003	Giá cước xe ô tô khách đi đường dài	Xe đường dài máy lạnh (Tuyên Quang - Hà Nội, hãng xe: Bảo Yên, Cường An)	đồng/vé	120.000	120.000		100	
34	50.005	Xăng sinh học E5 RON 92-II	Căn cứ Quyết định ngày 11/01/2023 của Công ty Xăng dầu Tuyên Quang Công ty TNHH một thành viên	đ/lít	20.360	21.770	Tăng 1.410	107	Từ 15 giờ ngày 11/01/2023
35	50.006	Xăng không chì RON 95-III		đ/lít	21.110	22.590	Tăng 1.480	107	
36	50.007	Dầu Diezen 0,05S-II		đ/lít	22.030	22.060	Tăng 30	100	
37	50.008	Dầu Diezen 0,001S-IV		đ/lít	24.050	23.850	Giảm 200	99	
38	50.009	Dầu hỏa 2-K		đ/lít	25.260	22.230	Giảm 3.030	88	

STT	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đặc điểm kinh tế, kỹ thuật, quy cách	Đơn vị tính	Giá kỳ trước	Giá kỳ này	Mức tăng, (giảm)	Tỷ lệ tăng (giảm) (%)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	(8)=(7-6)	(9)=(7/6)	10
VI	6	GIẢI TRÍ VÀ DU LỊCH							
39	60.001	Phòng khách sạn 3 sao	Hai giường đơn hoặc 1 giường đôi, có tivi, điều hòa nước nóng, điện thoại cố định, vệ sinh khép kín, Wifi (Khách sạn Mường Thanh Tuyên Quang)	đồng/ngày-đêm	850.000	850.000		100	
VII	7	VÀNG, ĐÔ LA MỸ							
40	70.001	Vàng 9999	Kiểu nhẫn tròn 1 chi	1000 đ/chi	5.250.000	5.450.000	Tăng 200.000	104	
41	70.002	Đô la Mỹ	Loại tờ 100USD	đồng/USD	24.880	24.880		100	

Ghi chú: Mức giá trên đã bao gồm thuế giá trị gia tăng theo luật định.

NGƯỜI TỔNG HỢP

Trần Thu Phương